

Số: ~~3179~~ /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.391 đến
ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 263/TTr-SXD ngày 28/7/2026, Văn bản số 8494/SXD-KTQLĐTXD ngày 28/7/2025, số 6523/SXD-KTQLĐTXD ngày 17/6/2026; của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tại Tờ trình số 75/TTr-BQL ngày 27/5/2026, Văn bản số 1067/BQL-DA3 ngày 13/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm B.
- Loại công trình giao thông.
- Cấp công trình: Cấp I (*trong đó hạng mục đèn chiếu sáng: cấp IV*).
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế của công trình chính: Kết cấu mặt đường 15 năm.

3. Mã định danh: 3126414696400.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: phường Nam Đồng và phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến:

+ Điểm đầu kết nối đường dẫn cầu vượt sông Thái Bình tại Km0+951,30 thuộc Dự án cầu vượt sông Thái Bình và đường dẫn thuộc tuyến đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ ĐT.391 đến ĐT.390C (*đang triển khai thi công*) thuộc phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng; điểm cuối (Km6+081) giao với đường tỉnh 390 (*khoảng lý trình Km16+450/ĐT.390*) thuộc phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng. Chiều dài tuyến khoảng 5,13km.

+ Hướng tuyến theo hướng tuyến đã được xác định trong Dự án cầu vượt sông Thái Bình và đường dẫn thuộc tuyến đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ ĐT.391 đến ĐT.390C (*đang triển khai thi công*) và các quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (cũ) đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 03/4/2023*); Quy hoạch phân khu 5B (khu vực phường Quyết Thắng), thành phố Hải Dương (cũ), tỷ lệ 1/2.000 được phê duyệt (*tại Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 21/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương(cũ)*).

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 24,58ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương; mã số doanh nghiệp 0100112363.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương; mã số doanh nghiệp 0100112363.

8. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường kết nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390) góp phần từng bước hoàn thiện đường vành đai I khu vực đô thị phía Tây thành phố theo quy hoạch, giảm ùn tắc QL.5, kết nối liên thông các xã, phường lân cận và mạng lưới đường bộ trong khu vực; tạo điều kiện thuận lợi khi triển khai đầu tư tuyến đường tốc độ cao kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ) đáp ứng yêu cầu kết nối, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng tuyến đường kết nối ĐT.391 đến ĐT.390 (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390), với quy mô như sau:

- Đoạn từ đường dẫn cầu vượt sông Thái Bình (Km0+951,30) đến ĐT.390C (Km2+477,60), chiều dài 1,53km: Đầu tư mở rộng tuyến về bên phải đảm bảo sau đầu tư quy mô nền đường rộng 42,0m gồm: mặt đường 2x11,25m, dải phân cách giữa 9,5m, hè đường hai bên 2x5,0m (đắp đất tận dụng chưa đầu tư kết cấu mặt hè).

- Đoạn từ ĐT.390C đến ĐT.390, chiều dài 3,6km: xây dựng tuyến đường với quy mô nền đường rộng 42,0m gồm: mặt đường 2x11,25m, dải phân cách giữa 9,5m, hè đường hai bên 2x5,0m (đắp đất tận dụng chưa đầu tư kết cấu mặt hè).

- Xây dựng hệ thống thoát nước ngang, thoát nước dọc, hào kỹ thuật dọc tuyến, an toàn giao thông, hệ thống cây xanh, chiếu sáng... đảm bảo đồng bộ.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước (bao gồm: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo Phụ lục kèm theo.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư Dự án: **1.019.642.000.000** đồng (Bằng chữ: Một nghìn, không trăm mười chín tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	203.976.486.000 đồng
Chi phí xây dựng, thiết bị:	658.588.570.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	8.277.308.000 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	30.825.841.000 đồng
Chi phí khác:	10.843.300.000 đồng
Chi phí dự phòng:	107.130.495.000 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Trong năm 2026.
- Giai đoạn thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Thực hiện theo kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 của thành phố bố trí theo tiến độ dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Dự án chủ yếu sử dụng vật liệu đắp thông thường không yêu cầu đặc biệt về khai thác sử dụng tài nguyên.
- Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ủy ban nhân dân các phường: Nam Đồng, Ái Quốc tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật, bàn giao mặt bằng để thi công xây dựng công trình đảm bảo tiến độ dự án được phê duyệt.

16. Đối tượng thụ hưởng

- Sở Xây dựng: Đường giao thông và các công trình phụ trợ gắn liền với đường.
- Ủy ban nhân dân các phường: Nam Đồng, Ái Quốc: Cây xanh vỉa hè, thảm cỏ trên đảo và dải phân cách; hoàn trả kết nối các tuyến đường nhánh giao cắt với đường Vành đai I thuộc phạm vi quản lý.
- Hạng mục di chuyển điện (gồm cột và đường dây) thuộc giải phóng mặt bằng của dự án: Công ty Điện lực Hải Phòng (đơn vị được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao tiếp nhận) theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024.

Chi tiết theo Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 8494/SXD-KTQLĐTXD ngày 28/7/2025, số 6523/SXD-KTQLĐTXD ngày 17/6/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng:

- Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.
- Quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư theo quy định.
- Triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí, quản lý

chất lượng công trình xây dựng; Tuân thủ các quy định về thiết kế, giám sát, thi công, nghiệm thu, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan; Tổ chức bàn giao các hạng mục công trình cho các cơ quan để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

2. Giao các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát và hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực III, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: Nam Đồng, Ái Quốc, Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: XD&CT, TC, NN&MT, NV&KTGS;
- Lưu: VT, N.D.Long.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số **3179** /QĐ-UBND ngày **10** /8/2026
 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
A	Quy chuẩn	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07:2023/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2023/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 25:2025/BCT
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện (tập 5, 6, 7, 8)	QCVN QTĐ5÷7:2009/BCT QCVN QTĐ- 8:2010/BCT
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ	QCVN 01:2022/BQP
B	Tiêu chuẩn áp dụng	
I.	Công tác khảo sát	
1.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4.	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
5.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
6.	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2025
7.	Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
8.	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
9.	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
10.	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
11.	Đất, đá xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024
12.	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
13.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
14.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
15.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
16.	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
17.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012÷ TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012÷ TCVN 4202:2012
18.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phương pháp thử - Phần 1: Chuẩn bị khô mẫu đất	TCVN 14134-1:2024
19.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phương pháp thử - Phần 2: Chuẩn bị ướt mẫu đất	TCVN 14134-2:2024
20.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định thành phần hạt	TCVN 14134-3:2024
21.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo	TCVN 14134-4:2024
22.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phương pháp thử - Phần 5: Xác định đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024
23.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của	TCVN 8721:2012

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
	đất rời trong phòng thí nghiệm (hệ số rỗng e_{max} , e_{min} cho cát)	
24.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
25.	Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
26.	Đất xây dựng - Phương pháp phóng xạ xác định độ ẩm và độ chặt của đất tại hiện trường	TCVN 9350:2012
27.	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
28.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ nén nở hông của đất dính	ASTM D2166
29.	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
30.	Đá vôi - Phương pháp phân tích hóa học	TCVN 9191:2012
31.	Các tiêu chuẩn thí nghiệm phân tích thành phần hóa học mẫu nước	TCVN 6656:2000 TCVN 6492:2011 TCVN 6179:1996 TCVN 6224:1996
II.	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế	
1.	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
2.	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
3.	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
4.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
5.	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
6.	Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông bằng đèn tín hiệu	TCCS 24:2018/TCĐBVN
7.	Gia cố nền đất yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
8.	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
9.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2025
10.	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
11.	Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	TCVN 13615:2022

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
12.	Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2023
13.	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
14.	Ống bê tông cốt thép thoát nước (ống cống)	TCVN 9113 : 2012
15.	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
16.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844 – 2013
17.	Xi măng poolăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
18.	Xi măng poolăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
19.	Xi măng poóc lăng - phương pháp phân tích hóa học	TCVN 141:2023
III. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu		
1.	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252: 2012
2.	Tổ chức thi công	TCVN 4055: 2012
3.	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
4.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
5.	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447: 2012
6.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790: 2020
7.	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792: 2020
8.	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất cho mục đích xây dựng đường ô tô	AASHTO-M145
9.	Thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	AASHTO-T191
10.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
11.	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871-1:2011÷ TCVN 8871-6:2011
12.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
13.	Tiêu chuẩn thí nghiệm xác định cho độ ổn định và độ dẻo Marshall của hỗn hợp bê tông nhựa	ASTM D6927-15

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
14.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
15.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
16.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
17.	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
18.	Mặt đường ô tô - Xác định bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
19.	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
20.	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
21.	Nhũ tương nhựa đường axit - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8817-1:2011÷ TCVN 8817-15:2011
22.	Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) – Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu	TCVN 14270:2024
23.	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12884-1÷2:2020
24.	Bitum - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493:2005÷ TCVN 7504:2005
25.	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860-1:2011÷ TCVN 8860-12:2011
26.	Hỗn hợp nhựa – Phương pháp thử vệt hằn bánh xe	TCVN 13899 :2023
27.	Phương pháp thử độ sâu hằn bánh xe của bê tông nhựa xác định bằng thiết bị Hamburf Wheel-Track	AASHTO T324
28.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
29.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
30.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
31.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
32.	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
33.	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1:2018 TCVN 1651-2:2018

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
34.	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
35.	Bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
36.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Điều kiện kỹ thuật tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
37.	Sơn và lớp phủ - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785-1:2011 ÷TCVN 8785-14:2011
38.	Thép kết cấu, thép hình, thép bản	TCVN 7571:2019
39.	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn.	TCVN 13605:2023
40.	Hỗn hợp bê tông nặng – phương pháp thử	TCVN 3106:2022; TCVN 3107:2022; TCVN 3109:2022; TCVN 3111:2022
41.	Bê tông - Phương pháp thí nghiệm	TCVN 3112:2022 đến TCVN 3120:2022
42.	Hỗn hợp bê tông và bê tông - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
43.	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022
44.	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
45.	Hỗn hợp bê tông nặng. Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3108:1993
46.	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022
47.	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993
48.	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp áp suất xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
49.	Bê tông - Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
50.	Bê tông - Phương pháp xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
51.	Bê tông - Phương pháp xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
52.	Bê tông - Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
53.	Bê tông - Phương pháp xác định độ chống thấm nước - Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022
54.	Bê tông - Phương pháp xác định độ co	TCVN 3117:2022
55.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
56.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
57.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
58.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ lắng trụ, môđun đàn hồi và hệ số Poisson	TCVN 5726:2022
59.	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252-2020
60.	Bê tông-Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022
61.	Bê tông-Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén.	TCVN 13536:2022
62.	Kết cấu bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
63.	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
IV. Điện chiếu sáng		
1.	Tiêu chuẩn Việt Nam: Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể - Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2019
2.	Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung	TCVN 9358-2012
3.	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13608 - 2023
4.	Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông đường bộ bằng đèn tín hiệu.	TCCS24:2018/TCĐBVN
5.	Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng	TCVN 5408-2007

Và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

Trường hợp các Quy chuẩn, tiêu chuẩn trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các Quy chuẩn, tiêu chuẩn sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định.

